TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TH PHÚ
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - H phúc

Bản án số: 09/2024/HS-ST
Ngày: 19-3-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Tú.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Khắc Hiệp;
2. Bà Phan Thị Cẩm Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TH Phú, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TH Phú, tỉnh Bến Tre *tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoàng Tài - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18 tháng 3 năm 2024 và ngày 19 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TH Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2024/TLST-HS ngày 18 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 02 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. **Lê Văn L**, sinh năm: 1985; nơi sinh: tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: số 83/1, ấp B, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre; quốc tịch: Việt Nam, dân tộc: kinh, giới tính: nam; tôn giáo: không; nghề nghiệp: nuôi thủy sản; trình độ học vấn: lớp 7/12; con ông: Lê Văn K (sống) và con bà: Trần Thị H (sống); vợ: Đoàn Thị K, sinh năm 1986 (đã L hôn); con: có 01 người con sinh năm 2008.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân:

+ Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 110/QĐ – XPVPHC ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Công an xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc (đã nộp phạt xong cùng ngày).

+ Năm 2006, phạm "Tội trộm cắp tài sản", bị tuyên phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày 18/5/2006, theo Bản án số 24/2006/HSST ngày 18 tháng 5 năm 2006 của Tòa án nhân dân huyện

t, tỉnh Bến Tre (đã chấp hành xong hình phạt và các nội dung khác của bản án nên đương nhiên được xóa án tích).

- Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại tòa.

2. **Đoàn Thị P**, sinh năm: 1975; nơi sinh: tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: số 138/2, ấp B, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre; quốc tịch: Việt Nam, dân tộc: kinh, giới tính: nữ; tôn giáo: không; nghề nghiệp: đánh bắt thủy sản; trình độ học vấn: lớp 4/12; con ông: Đoàn Văn U (chết) và con bà: Nguyễn Thị G (sống); chồng: Đặng Văn C, sinh năm 1976; con: có 03 người con lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2010.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại tòa.

3. **Võ Thị L1**, sinh năm: 1990; nơi sinh: tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: số 52/2, ấp B, xã G, huyện T, tỉnh Bến Tre; quốc tịch: Việt Nam, dân tộc: kinh, giới tính: nữ; tôn giáo: không; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: lớp 11/12; con ông: Võ Văn P (sống) và con bà: Nguyễn Thị C (sống); chồng: không có; con: có 01 người con sinh năm 2019.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân: Năm 2021, phạm "Tội đánh bạc", bị tuyên xử phạt tiền 30.000.000 đồng theo Bản án số 30/2022/HS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre (chưa chấp hành xong hình phạt).

- Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại tòa.

4. **Tham Thị N**, sinh năm: 1991; nơi sinh: tỉnh Đồng Nai; Nơi thường trú: ấp L, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre; Nơi ở hiện nay: số 72/3, ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Bến Tre; quốc tịch: Việt Nam, dân tộc: kinh, giới tính: nữ; tôn giáo: không; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: lớp 9/12; con ông: Tham Quốc T (sống) và con bà: Trần Thị L (sống); chồng: Đoàn Minh N, sinh năm 1984; con: có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2010 nhỏ nhất sinh năm 2024.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại tòa.

5. **Trần Thị Thu T**, sinh năm: 1963; nơi sinh: tỉnh An Giang; Nơi cư trú: ấp L, xã B, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; quốc tịch: Việt Nam, dân tộc: kinh, giới tính: nữ; tôn giáo: không; nghề nghiệp: mua bán; trình độ học vấn: lớp 02/12; con ông: Trần Văn H (chết) và con bà: Lâm Thị E (chết); chồng: Trần Văn L (chết); con: có 02 người con, lớn nhất sinh năm 1981 nhỏ nhất sinh năm 1988.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 20/QĐ – XPVPHC ngày 24 tháng 3 năm 2017 của Công an xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc (đã nộp phạt vào ngày 27/3/2017).

- Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ Lê Long T1, sinh năm 1987, nơi cư trú: ấp A, xã G, huyện T, tỉnh Bến Tre (có đơn xin vắng mặt).

2/ Huỳnh Thị T2, sinh năm 1975, nơi cư trú: số 1056/AT, ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre (có đơn xin vắng mặt).

3/ Võ Văn D, sinh năm 1966, nơi cư trú: số 31/1, ấp B, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre (có đơn xin vắng mặt).

4/ Đoàn Gia Đ, sinh năm 1977, nơi cư trú: số 74/1, ấp B, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre (có đơn xin vắng mặt).

5/ Võ Thị L, sinh năm 1952, nơi cư trú: số 123/2, ấp T, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre (có đơn xin vắng mặt).

6/ Trần Thị H, sinh năm 1971, nơi cư trú: số 144/2, ấp H, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

7/ Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1973, nơi cư trú: ấp A, xã Q, huyện T, tỉnh Bến Tre (có đơn xin vắng mặt).

8/ Cao Thị T3, sinh năm 1975, nơi cư trú: ấp T, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre (có đơn xin vắng mặt).

9/ Nguyễn Thị H, sinh năm 1999, nơi cư trú: ấp A, xã G, huyện T, tỉnh Bến Tre (có đơn xin vắng mặt).

10/ Phan Hữu T4, sinh năm 2004, nơi cư trú: ấp A, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

11/ Nguyễn Thị D, sinh năm 1979, nơi cư trú: ấp B, xã G, huyện T, tỉnh Bến Tre (có đơn xin vắng mặt).

12/ Nguyễn Thị L, sinh năm 1969, nơi cư trú: ấp A, xã Q, huyện T, tỉnh Bến Tre (có đơn xin vắng mặt).

13/ Huỳnh Quốc T5, sinh năm 2004, nơi cư trú: số 95/2, ấp B, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

14/ Trần Vũ Đ1, sinh năm 1978, nơi cư trú: số 188/2, ấp A, xã V, huyện T, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

15/ Đặng Văn C, sinh năm 1976, nơi cư trú: số 138/2, ấp A, xã N, huyện T, tỉnh Bến Tre (có đơn xin vắng mặt).

16/ Đặng Văn H, sinh năm 1974, nơi cư trú: số 163/2, ấp A, xã N, huyện T, tỉnh Bến Tre (có đơn xin vắng mặt).

17/ Nguyễn Văn L, sinh năm 1977, nơi cư trú: ấp A, xã N, huyện T, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

18/ Đặng Hoàng H, sinh năm 1985, nơi cư trú: số 101/2, ấp A, xã N, huyện T, tỉnh Bến Tre (có đơn xin vắng mặt).

19/ Trần Thế T6, sinh năm 1979, nơi cư trú: ấp A, xã D, huyện T, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 29 tháng 7 năm 2020, Lê Văn L mang theo số tiền 3.000.000 đồng và bộ dụng cụ lắc tài xỉu (gồm 03 hột xí ngầu, 01 đĩa sứ màu trắng, 01 hộp nhựa hình trụ màu đỏ) đến quán nước giải khát N do Đoàn Thị P quản lý, trông coi để lắc tài xỉu ăn thua bằng tiền. L thỏa thuận với P nếu L làm cái thắng bão, P được hưởng 50% tiền L thắng cược thì được P đồng ý. Sau đó, L rủ những người có mặt tại quán đánh bạc với L do L làm cái. L quy định phía trước bên tay phải của L là cửa "tài" và phía trước bên tay trái của L là cửa "xỉu". L quy định mỗi ván đặt cược cao nhất 300.000 đồng cho mỗi cửa "tài" hoặc "xỉu". Sau khi lắc nếu ba viên xí ngầu có tổng số chấm trên ba viên từ 11 trở lên thì là "tài" ai đặt tài sẽ thắng; từ 10 chấm trở xuống thì là "xỉu", ai đặt xỉu sẽ thắng; "bão tài" là trường hợp số chấm trên ba viên xí ngầu giống nhau và tổng số chấm từ 11 trở lên, khi đó L sẽ thắng người đặt bên xỉu và hòa với người đặt bên tài; "bão xỉu" là trường hợp số chấm trên ba viên xí ngầu giống nhau và tổng số chấm từ 10 trở xuống, khi đó L sẽ thắng người đặt bên "tài" và hòa với người đặt bên "xỉu".

Tham gia đặt cược gồm có Lê Long T1 và Tham Thị N. Thấy L lắc tài xỉu, Lê Long T1 lấy 120.000 đồng để đánh bạc và đặt cược với L 02 ván, mỗi ván 60.000 đồng, T1 thua cược hết 120.000 đồng nên nghỉ không đặt cược nữa. Khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, Tham Thị N đến và lấy 210.000 đồng sử dụng vào mục đích đánh bạc. N đặt cược nhiều ván, thấp nhất là 20.000 đồng, cao nhất là 30.000 đồng, có ván thắng, có ván thua nhưng N không kiểm đếm nên không biết đã thắng thua bao nhiêu. Ngoài N và T4 ra còn có một số người khác tham gia đặt cược với L trong lần lắc này nhưng qua điều tra nhưng không xác định được là ai, do quán nước có nhiều khách ra vào, không xác định được là ai ngoài T4 và N. Đánh bạc đến khoảng 12 giờ cùng ngày thì L thua hết 1.200.000 đồng và những người tham gia đặt cược yêu cầu chơi lớn hơn nên L nghỉ làm nhà cái. Trong lần đánh bạc này, không xác định được Phượng có nhận tiền bão từ L hay không.

Như vậy, trong lần đánh bạc thứ nhất do Lê Văn L làm nhà cái, tổng số tiền mà các bên dùng vào việc đánh bạc qua điều tra xác định được là 3.330.000 đồng. T1, N cùng những người khác không tham gia chơi cùng lúc, có người

đến chơi trước, có người đến chơi sau và cũng có người nghỉ trước, có người nghỉ sau nên không xác định được tổng số tiền ban đầu tất cả các bên đã dùng vào việc đánh bạc, không xác định được ván cuối cùng trước khi người đánh bạc nghỉ có bao nhiêu người tham gia đặt cược và không xác định được tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc là bao nhiêu.

Lần đánh bạc thứ hai: Khoảng 12 giờ ngày 29 tháng 7 năm 2020, Lê Long T1 thấy Lê Văn L nghỉ nên T1 tiếp tục lấy ra 1.380.000 đồng đứng ra làm nhà cái lắc tài xỉu cho các con bạc khác tham gia đặt cược. Khi đó, Trần Thị H sử dụng 40.000 đồng đặt cược với Lê Long T1. H đặt từ 04 đến 05 ván, mỗi ván từ 10.000 đồng đến 20.000 đồng, có ván thắng, có ván thua nhưng cuối cùng đã thua hết tiền nên nghỉ không tham gia đặt cược nữa. Ngoài H ra còn có một số người khác tham gia đặt cược nhưng qua điều tra không xác định được là ai do quán nước có nhiều khách ra vào. Khoảng 30 phút sau khi làm nhà cái, T1 thua cược hết 300.000 đồng, còn lại 1.080.000 đồng và không ai tham gia đặt cược với T1 nữa nên T1 nghỉ không làm nhà cái. Trong lần đánh bạc này, T1 lắc cũng không lên bão nên không chia tiền thắng bão cho P.

Như vậy, trong lần đánh bạc thứ hai do Lê Long T1 làm nhà cái, tổng số tiền mà các bên dùng vào việc đánh bạc qua điều tra xác định được là 1.420.000 đồng. H cùng những người khác không tham gia chơi cùng lúc, có người đến chơi trước, có người đến chơi sau và cũng có người nghỉ trước, có người nghỉ sau nên không xác định được tổng số tiền ban đầu tất cả các bên đã dùng vào việc đánh bạc, không xác định được ván cuối cùng trước khi người đánh bạc nghỉ có bao nhiêu người tham gia đặt cược và số tiền dùng vào việc đánh bạc là bao nhiêu.

Lần đánh bạc thứ ba: Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 29 tháng 7 năm 2020, thấy T1 nghỉ và có nhiều người kêu L tiếp tục làm cái, L kiểm tra tiền của L thấy chỉ còn lại 1.800.000 đồng, không đủ làm nhà cái nên L hỏi mượn Đoàn Thị P 2.000.000 đồng để đánh bạc và P đã đồng ý cho L mượn tiền. Như vậy, ở lần đánh bạc này, tổng số tiền L dùng để đánh bạc là 3.800.000 đồng.

Khoảng 13 giờ, Tham Thị N còn có mặt ở quán nên tiếp tục tham gia đặt cược với Lê Văn L. N lấy tiền đánh bạc còn lại ở lần thứ nhất (N không kiểm đếm nên không xác định được còn lại bao nhiêu) và lấy thêm 1.600.000 đồng để đánh bạc với L ở lần thứ hai. Đến quán sau N có Trần Thị Thu T dùng 70.000 đồng và Võ Thị L1 dùng 950.000 đồng để tham gia đặt cược với L. Đánh bạc đến 14 giờ cùng ngày, Võ Thị L1 đặt cược 100.000 đồng, Tham Thị N đặt cược 30.000 đồng, Trần Thị Thu T đặt cược 100.000 đồng nhưng đều bị thua cược. Lê Văn L tiếp tục lắc tài xỉu, L, N và T chưa kịp đặt cược thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Bến Tre bắt quả tang, thu giữ trên chiếu bạc (bàn nhựa bán quán nước) số tiền 4.400.000 đồng (do L đang cầm tiền đánh bạc trên tay và bỏ xuống bàn), 03 hột xí ngầu, 01 đĩa sứ màu trắng và 01 nắp hộp nhựa tròn màu đỏ. Kiểm tra trên người của Võ Thị L1 thu giữ số tiền 400.000 đồng trong túi quần phía trước bên phải, thu giữ của N số tiền 1.600.000 đồng

trong túi quần phía trước bên trái, thu giữ của T số tiền 20.000 đồng bên trong túi áo khoác phía dưới bên phải T đang mặc.

L lắc lên bão nhiều lần (không xác định được bao nhiêu lần) và có chia 50% số tiền thắng bão cho P được tổng cộng là 870.000 đồng.

Như vậy, trong lần đánh bạc thứ ba, L lấy 3.800.000 đồng ra làm nhà cái và L đã thắng cược được 600.000 đồng. N dùng hơn 1.600.000 đồng để đánh bạc nhưng thua cược, chỉ còn lại 1.600.000 đồng. T dùng 70.000 đồng để đánh bạc nhưng thua cược, chỉ còn lại 20.000 đồng. L dùng 950.000 đồng để đánh bạc nhưng thua cược hết 550.000 đồng và chỉ còn lại 400.000 đồng. Đến thời điểm bị bắt quả tang, L còn 4.400.000 đồng, N còn 1.600.000 đồng, L còn 400.000 đồng và T còn 20.000 đồng dùng vào việc đánh bạc. Tiền bão P nhận được là 870.000 đồng. Do đó, tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc trong lần đánh bạc thứ ba là 7.290.000 đồng.

Ngoài ra, trong lần đánh bạc thứ ba còn có Huỳnh Thị T2 dùng 700.000 đồng, Đoàn Gia Đ dùng 500.000 đồng, Võ Văn D dùng 100.000 đồng, Võ Thị Lương dùng 10.000 đồng để tham gia đặt cược với L. Những người này nghỉ trước khi N, T và L vào chơi, nghỉ trước khi bị quả tang và ván liền trước ván bị bắt quả tang. T, Đ, D và L không vào chơi cùng lúc với nhau có người đến chơi trước, có người đến chơi sau và cũng có người nghỉ trước, có người nghỉ sau nên không xác định được tổng số tiền tất cả các bên đã dùng vào việc đánh bạc tại thời điểm. T, Đ, D và L bắt đầu tham gia đánh bạc và lúc đặt cược. Kết quả, T thắng cược được 200.000 đồng, Đ không thắng và cũng không thua, D thua 100.000 đồng và L thua 10.000 đồng.

Lúc bắt quả tang, lực L chức năng đã kiểm tra trên người, phát hiện và thu giữ các tài sản, đồ vật của những người có mặt tại hiện trường như sau:

1. Lê Văn L: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen.

2. Đoàn Thị P: số tiền 26.570.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen. Trong đó, 25.000.000 đồng là tiền của ông Nguyễn Ngọc A và bà Cao Thị T3 gửi P để trả tiền tôm giống, 700.000 đồng là tiền dùng để tiêu xài cá nhân của bà P, không dùng vào việc đánh bạc và 870.000 đồng là tiền thắng bão nhận được từ Lê Văn L.

3. Võ Thị L: số tiền 400.000 đồng (tiền dùng đánh bạc còn lại).

4. Trần Thị Thu T: số tiền 20.000 đồng (tiền dùng đánh bạc còn lại) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen.

5. Tham Thị N: số tiền 1.600.000 đồng (tiền dùng đánh bạc còn lại) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Itel màu đen.

6. Võ Văn D: 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen.

7. Đoàn Gia Đ: số tiền 2.500.000 đồng. Trong đó có 500.000 đồng là tiền dùng để đánh bạc, 2.000.000 đồng là tiền dùng để đóng hụi.

8. Võ Thị L: số tiền 150.000 đồng (tiền dùng để tiêu xài cá nhân, không dùng để đánh bạc).

9. Lê Long T1: số tiền 1.080.000 đồng (tiền còn lại sau khi dùng để đánh bạc ở lần đánh bạc thứ hai) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Coolpal màu vàng.

10. Trần Thị H: 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu xanh.

11. Huỳnh Thị T2: 01 điện thoại di động nhãn hiệu VSMART màu đen và số tiền 7.900.000 đồng (gồm: 7.000.000 đồng dùng để kinh doanh mua bán khô, 700.000 đồng lấy ra để đánh bạc và 200.000 đồng thắng bạc).

12. Đặng Văn C: số tiền 6.370.000 đồng (tiền dùng để tiêu xài cá nhân, không dùng để đánh bạc) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen.

13. Đặng Văn H: số tiền 2.430.000 đồng (tiền dùng để tiêu xài cá nhân, không dùng để đánh bạc) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen.

14. Nguyễn Văn L: số tiền 3.720.000 đồng (tiền dùng để tiêu xài cá nhân, không dùng để đánh bạc) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu bạc.

15. Đặng Hoàng H: 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen.

16. Trần Thế T6: số tiền 53.600.000 đồng (tiền dùng để kinh doanh mua bán, không dùng để đánh bạc) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen.

17. Nguyễn Thị H: số tiền 3.000.000 đồng (tiền dùng để tiêu xài cá nhân, không dùng để đánh bạc) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS màu hồng.

18. Phan Hữu T4: số tiền 150.000 đồng (tiền dùng để tiêu xài cá nhân, không dùng để đánh bạc) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung IPad màu trắng.

19. Nguyễn Thị D: số tiền 200.000 đồng (tiền dùng để tiêu xài cá nhân, không dùng để đánh bạc) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sony màu đen.

20. Nguyễn Thị L: số tiền 150.000 đồng (tiền dùng để tiêu xài cá nhân, không dùng để đánh bạc) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen.

21. Huỳnh Quốc T5: số tiền 55.000 đồng (tiền dùng để tiêu xài cá nhân, không dùng để đánh bạc) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3.

22. Trần Vũ Đ1: số tiền 220.000 đồng (tiền dùng để tiêu xài cá nhân, không dùng để đánh bạc).

Đối với Đặng Văn C, Đặng Văn H, Nguyễn Văn L, Đặng Hoàng H, Trần Thế T6, Nguyễn Thị H, Phan Hữu T4, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị L, Huỳnh Quốc T5, Trần Vũ Đ1 là khách uống nước tại quán nước N và không tham gia đánh bạc.

Đối với các tài sản đã tạm giữ và xác định không phải là tang vật, phương tiện sử dụng vào mục đích đánh bạc, Cơ quan điều tra đã tiến hành trao trả xong cho các chủ sở hữu, cụ thể: trao trả cho Nguyễn Thị L số tiền 150.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA bàn phím màu đen. Trao trả cho Huỳnh Quốc T5 55.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3. Trao trả

cho Trần Vũ Đ1 220.000 đồng; Võ Văn D 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA bàn phím màu đen; Đặng Văn H 2.430.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA bàn phím màu đen; Đặng Hoàng H 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen; Nguyễn Văn L 3.720.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu bạc; Phan Hữu T4 150.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung IPad màu trắng; Lê Long T1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Coolpal màu vàng; Đặng Văn C 6.370.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA bàn phím màu đen; Lê Văn L 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen; Trần Thế T6 53.600.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen; Đoàn Thị Phượng 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen; Nguyễn Thị D 200.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sony màu đen; Huỳnh Thị T2 7.000.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu VSMART màu đen; Nguyễn Thị H 3.000.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS màu hồng; Tham Thị N 01 điện thoại di động nhãn hiệu Itel màu đen; Trần Thị H 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu xanh; Đoàn Gia Đ 2.000.000 đồng; Võ Thị L 150.000 đồng; Trần Thị Thu Thủy 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen.

Vật chứng trong vụ án đang được thu giữ gồm:

- Bộ dụng cụ dùng để lắc tài xỉu: 01 cái đĩa sứ, 01 nắp nhựa hình trụ màu đỏ, 03 hột xí ngầu.

- Số tiền là 35.470.000 đồng, trong đó gồm có: tiền của Lê Văn L là 4.400.000 đồng, thu của Đoàn Thị P là 26.570.000 đồng, thu của Võ Thị L là 400.000 đồng, thu của Trần Thị Thu T là 20.000 đồng, thu của Tham Thị N 1.600.000 đồng, thu của Đoàn Gia Đ 500.000 đồng, thu của Lê Long T1 1.080.000 đồng, thu của Huỳnh Thị T2 900.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 04/CT-VKSTP-HS, ngày 09/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố các bị cáo Lê Văn L, Đoàn Thị P, Võ Thị L1, Tham Thị N và Trần Thị Thu T cùng về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ quyền công tố luận tội và tranh luận, bảo lưu quan điểm Cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo Lê Văn L, Đoàn Thị P, Võ Thị L1, Tham Thị N và Trần Thị Thu T, đề nghị Hội đồng xét xử các nội dung như sau:

Tuyên bố các bị cáo Lê Văn L, Đoàn Thị P, Võ Thị L1, Tham Thị N và Trần Thị Thu T phạm "Tội đánh bạc".

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, các Điều 17, 35, 58 Bộ luật Hình sự. Phạt tiền bị cáo Lê Văn L từ 35.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17, 35, 58 Bộ luật Hình sự. Phạt tiền bị cáo Đoàn Thị P từ 35.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17, 35, 58 Bộ luật Hình sự. Phạt tiền bị cáo Tham Thị N từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 35, 54, 58 Bộ luật Hình sự. Phạt tiền bị cáo Trần Thị Thu T từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

Do đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Văn L, Đoàn Thị P, Tham Thị N và Trần Thị Thu T.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17, 36, 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Võ Thị L từ 02 (hai) năm đến 03 (ba) năm cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được quyết định thi hành án. Về áp dụng hình phạt bổ sung: áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự, phạt tiền bị cáo Võ Thị L1 từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Về áp dụng biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị:

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: số tiền 9.770.000 đồng. Gồm:

- Số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 7.290.000 đồng. Gồm: 4.400.000 đồng của Lê Văn L, 1.600.000 đồng của Tham Thị N, 400.000 đồng của Võ Thị L1, 20.000 đồng của Trần Thị Thu T và 870.000 đồng của Đoàn Thị P.

- Số tiền dùng để đánh bạc của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là 2.480.000 đồng. Gồm: 500.000 đồng của Đoàn Gia Đ, 1.080.000 đồng của Lê Long T1, 900.000 đồng của Huỳnh Thị T2.

- Trao trả số tiền 25.700.000 đồng. Gồm số tiền 25.000.000 đồng cho ông Nguyễn Ngọc A và Cao Thị T3 do đây là tiền ông A và bà T3 gửi bị cáo Đoàn Thị P để trả tiền tôm giống, không dùng vào mục đích đánh bạc; số tiền 700.000 đồng bị cáo Đoàn Thị P là tiền dùng để tiêu xài cá nhân, không dùng vào việc đánh bạc.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 đĩa sứ có đường kính miệng đĩa 9,5cm, đường kính đáy 05cm, phần đáy có dòng chữ USA HOME SET; 01 nắp nhựa hình trụ màu

đỏ, đường kính miệng 6,5cm, đường kính đáy 6,5cm, cao 05cm, 03 hột xí ngầu gồm sáu mặt theo thứ tự từ 01 nút đến 06 nút mỗi mặt. Do đây là công cụ, phương tiện phạm tội, vật cấm tàng trữ, cấm lưu hành.

Vật chứng đang được tạm gửi tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TH Phú, tỉnh Bến Tre theo Quyết định chuyển vật chứng số 02/QĐ-VKSTP-HS ngày 09 tháng 01 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre

- Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận: đối với các tài sản đã tạm giữ và xác định không phải là tang vật, phương tiện sử dụng vào mục đích đánh bạc, Cơ quan điều tra đã tiến hành trao trả cho các chủ sở hữu, cụ thể: đã trao trả cho Nguyễn Thị Loan số tiền 150.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA bàn phím màu đen. Trao trả cho Huỳnh Quốc T5 55.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3. Trao trả cho Trần Vũ Đ1 220.000 đồng; Võ Văn D 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA bàn phím màu đen; Đặng Văn H 2.430.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA bàn phím màu đen; Đặng Hoàng H 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen; Nguyễn Văn L 3.720.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu bạc; Phan Hữu T4 150.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung IPad màu trắng; Lê Long T1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Coolpal màu vàng; Đặng Văn C 6.370.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA bàn phím màu đen; Lê Văn L 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen; Trần Thế T6 53.600.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen; Đoàn Thị P 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen; Nguyễn Thị D 200.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sony màu đen; Huỳnh Thị T2 7.000.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu VSMART màu đen; Nguyễn Thị H 3.000.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS màu hồng; Tham Thị N 01 điện thoại di động nhãn hiệu Itel màu đen; Trần Thị H 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu xanh; Đoàn Gia Đ 2.000.000 đồng; Võ Thị L 150.000 đồng. Trần Thị Thu Thủy 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen. Các chủ sở hữu đã nhận lại tài sản và không có ý kiến gì khác.

Đối với Võ Thị L, Lê Long T1, Huỳnh Thị T2, Võ Văn D, Trần Thị H, Đoàn Gia Đ: tại thời điểm bị bắt quả tang không có tiền án, tiền sự về hành vi đánh bạc, tổ chức đánh bạc và gá bạc. Vào ngày 29 tháng 7 năm 2020 có đến quán nước N thuộc ấp A, xã Q, huyện T, tỉnh Bến Tre để tham gia đánh bạc bằng hình thức lắc tài xỉu được thua bằng tiền nhưng đã nghỉ đánh bạc trước khi bị bắt quả tang. Do đến tham gia đánh bạc ở những thời điểm khác nhau nên tại thời điểm Võ Thị L, Lê Long T1, Huỳnh Thị T2, Võ Văn D, Trần Thị H và Đoàn Gia Đ tham gia đánh bạc và lúc đặt cược không xác định được tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc và số tiền trên chiếu bạc cũng như tổng số tiền mà các bên đã dùng để đánh bạc tại thời điểm đặt cược. Đồng thời, số tiền dùng vào

việc đánh bạc của từng người trên cũng không đủ định L để truy cứu trách nhiệm hình sự về tội "Đánh bạc" theo quy định tại Điều 321 Bộ luật Hình sự. Hành vi trên của Võ Thị Lương, Lê Long T1, Huỳnh Thị T2, Võ Văn D, Trần Thị H, Đoàn Gia Đ phải bị xử lý vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc. Tuy nhiên, đến nay đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính đối với các đối tượng nêu trên nên không xem xét.

Đối với ông Nguyễn Ngọc A và bà Cao Thị T3 là chủ quán nước giải khát N, vào ngày 29 tháng 7 năm 2020 không có mặt tại quán và đã nhờ Đoàn Thị P trông coi, quản lý quán. Ông Nguyễn Ngọc A, bà Cao Thị T3 không biết việc Đoàn Thị P cho Lê Văn L cùng những người khác đánh bạc tại quán của mình và không nhận các lợi ích từ những người tham gia đánh bạc nên không phạm tội.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo đã thực hiện giống như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố; thừa nhận hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật. Các bị cáo đồng ý tội danh, điều luật mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với các bị cáo, các bị cáo không tranh luận về tội danh và hình phạt mà Viện kiểm sát đã đề nghị.

Bị cáo Lê Văn L nói lời sau cùng: xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Đoàn Thị P nói lời sau cùng: xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Võ Thị L nói lời sau cùng: xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Tham Thị N nói lời sau cùng: xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Trần Thị Thu T nói lời sau cùng: xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại, tố cáo về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp. Tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều vắng mặt. Thấy rằng, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có lời khai cụ thể, rõ ràng trong quá trình điều tra; các bị cáo không có ý kiến về việc vắng mặt của những người này, đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu

hoãn phiên tòa và đề nghị tiếp tục xét xử vụ án. Xét việc vắng mặt của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này là phù hợp với quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh của các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của các bị cáo là phù hợp với biên bản phạm pháp quả tang, lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với nhau và phù hợp với chính lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, phù hợp với các chứng cứ, đồ vật, tài liệu, dữ liệu điện tử và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 11 giờ ngày 29 tháng 7 năm 2020, Đoàn Thị P là người được giao trông coi, quản lý quán nước N tọa lạc tại ấp A, xã Q, huyện T, tỉnh Bến Tre, đã đồng ý để Lê Văn L làm nhà cái lắc tài xỉu được thua bằng tiền cho các con bạc tham gia đặt cược. Đến 14 giờ cùng ngày thì bị bắt quả tang, thu giữ tổng số tiền dùng để đánh bạc là 7.290.000 đồng. Ván cuối cùng trước khi bắt quả tang có Võ Thị L1, Tham Thị N, Trần Thị Thu T tham gia đặt cược. Trong số tiền trên, Đoàn Thị P cho Lê Văn L mượn 2.000.000 đồng để đánh bạc và nhận 870.000 đồng là tiền mà Lê Văn L chia cho Đoàn Thị P lúc lắc lên "bão".

Từ những phân tích trên, qua đó đã chứng minh được hành vi của các bị cáo Lê Văn L, Đoàn Thị P, Võ Thị L1, Tham Thị N và Trần Thị Thu T đã đủ yếu tố cấu thành "Tội đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Do đó, bản Cáo trạng 04/CT-VKSTP-HS ngày 09/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố các bị cáo Lê Văn L, Đoàn Thị P, Võ Thị L1, Tham Thị N và Trần Thị Thu T là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật có giá trị từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự công cộng, gây hoang mang, bất bình trong đời sống của nhân dân tại địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo ý thức được đánh bạc là một tệ nạn xã hội, vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện nhằm sát phạt chiếm đoạt tiền của

nhau. Các bị cáo là người đã thành niên, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên phải gánh chịu trách nhiệm hình sự đối với hậu quả do hành vi của các bị cáo đã trực tiếp gây ra. Các bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội không có phân công cụ thể vai trò, nhiệm vụ của từng người trong vụ án nên các bị cáo là đồng phạm giản đơn, không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hội đồng xét xử thấy rằng:

[5.1] Bị cáo Lê Văn L tuy theo quy định của pháp luật không có tiền án, tiền sự nhưng có nhân thân xấu, từng phạm "Tội trộm cắp tài sản" bị tuyên phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách là 18 tháng, theo Bản án số 24/2006/HSST ngày 18 tháng 5 năm 2006 của Tòa án nhân dân huyện TH Phú, tỉnh Bến Tre và từng bị Công an xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc. Bị cáo Lê Văn L đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5.2] Bị cáo Võ Thị L tuy không có tiền án, tiền sự nhưng sau khi thực hiện hành vi phạm tội vào năm 2020 thì vào năm 2021 tiếp tục phạm "Tội đánh bạc", bị tuyên phạt tiền 30.000.000 đồng theo Bản án số 30/2022/HS - ST ngày 26 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre (đã chấp hành một phần hình phạt với số tiền 5.000.000 đồng). Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo có ông ngoại được công nhận là liệt sĩ, bị cáo là lao động chính trong gia đình và là mẹ đơn thân đang trực tiếp nuôi con còn nhỏ nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5.3] Bị cáo Đoàn Thị P đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có cha ruột là ông Đoàn Văn U là thương binh loại A – hạng 4/4 nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5.4] Bị cáo Tham Thị N đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đang nuôi con còn nhỏ nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5.5] Bị cáo Trần Thị Thu T tuy không có tiền án, tiền sự nhưng từng bị Công an xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính xử phạt số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc. Bị cáo đã thành

khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về áp dụng hình phạt đối với các bị cáo: Căn cứ vào tính chất, mức độ hậu quả của hành vi phạm tội các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo và nhằm đảm bảo tính răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung cho cộng đồng nên cần xem xét khi áp dụng hình phạt đối với các bị cáo. Trong vụ án này bị cáo Lê Văn L và bị cáo Võ Thị L phải chịu trách nhiệm hình sự cao nhất, tiếp đến là bị cáo Đoàn Thị P, Tham Thị N và Trần Thị Thu T.

[6.1] Đối với bị cáo Lê Văn L và bị cáo Võ Thị L. Hội đồng xét xử xét thấy, trong vụ án này số tiền dùng vào việc đánh bạc không lớn, bị cáo Lê Văn L và bị cáo Võ Thị L không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo L và bị cáo P có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết cách L bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ sức răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo và có tác dụng phòng ngừa chung cho cộng đồng là phù hợp với Điều 36 Bộ luật Hình sự.

Bên cạnh đó, cần xem xét áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Lê Văn L và Võ Thị L1 theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Xét thấy, các bị cáo Lê Văn L và Võ Thị L1 đã áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền, bị cáo L và L không có thu nhập ổn định hàng tháng, bị cáo L trước đây làm thuê nhưng hiện tại chưa tìm được việc làm và đang phải nuôi con còn nhỏ nên miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo L và bị cáo L.

[6.2] Đối với bị cáo Đoàn Thị P, Tham Thị N và Trần Thị Thu Thủy, các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 51 Bộ luật Hình sự, các bị cáo có nơi cư trú, có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, không thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo. Do đó, xét thấy áp dụng hình phạt tiền cũng đủ sức răn đe, giáo dục đối với các bị cáo.

Tuy nhiên, trong vụ án này bị cáo Đoàn Thị P là người được giao trông coi quán nước và để cho các con bạc đánh bạc, bị cáo trực tiếp nhận tiền bão từ bị cáo Lê Văn L và cho bị cáo L mượn tiền để đánh bạc nên bị cáo Phượng phải chịu hình phạt tiền cao hơn bị cáo Tham Thị N và Trần Thị Thu T.

Đối với bị cáo Tham Thị N và bị cáo Trần Thị Thu T thì bị cáo N phải chịu hình phạt cao hơn bị cáo T, bởi lẽ số tiền bị cáo N dùng vào việc đánh bạc cao hơn và tham gia chơi đánh ở các lần do bị cáo L làm nhà cái. Bị cáo T được áp dụng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự khi xem xét quyết định hình phạt cho bị cáo.

Do đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Đoàn Thị P, Tham Thị N và Trần Thị Thu T.

[7] Về áp dụng các biện pháp tư pháp: như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên xem xét ghi nhận.

[8] Ghi nhận việc trong quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã trả tài sản không liên quan đến vụ án gồm: số tiền 150.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA bàn phím màu đen của Nguyễn Thị L, số tiền 55.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3 của Huỳnh Quốc T5, số tiền 220.000 đồng của Trần Vũ Đ1, 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA bàn phím màu đen của Võ Văn D, số tiền 2.430.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA bàn phím màu đen của Đặng Văn H, 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen của Đặng Hoàng H, số tiền 3.720.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu bạc của Nguyễn Văn L, số tiền 150.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung IPad màu trắng của Phan Hữu T4, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Coolpal màu vàng của Lê Long T1, số tiền 6.370.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA bàn phím màu đen của Đặng Văn C, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen của Lê Văn L, số tiền 53.600.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen của Trần Thế T6, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen của Đoàn Thị P, số tiền 200.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sony màu đen của Nguyễn Thị D, số tiền 7.000.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu VSMART màu đen của Huỳnh Thị T2, số tiền 3.000.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS màu hồng của Nguyễn Thị H, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Itel màu đen của Tham Thị N, 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu xanh của Trần Thị H, số tiền 2.000.000 đồng của Đoàn Gia Đ và số tiền 150.000 đồng của Võ Thị L và 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen của Trần Thị Thu T là phù hợp, các chủ sở hữu đã nhận lại tài sản và không có ý kiến gì khác.

[9] Đối với hành vi đánh bạc của Võ Thị L, Lê Long T1, Huỳnh Thị T2, Võ Văn D, Trần Thị H, Đoàn Gia Đ thì tại thời điểm bị bắt quả tang những người này không có tiền án, tiền sự về hành vi đánh bạc, tổ chức đánh bạc và gá bạc, đã nghỉ đánh bạc trước khi bị bắt quả tang, những người này đến tham gia đánh bạc không cùng lúc mà ở những thời điểm khác nhau nên tại thời điểm những người này tham gia đánh bạc và lúc đặt cược không xác định được tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc và số tiền trên chiếu bạc cũng như tổng số tiền mà các bên đã dùng để đánh bạc tại thời điểm đặt cược. Đồng thời, số tiền dùng vào việc đánh bạc của từng người này cũng không đủ định L để truy cứu trách nhiệm hình sự về tội "Đánh bạc" theo quy định tại Điều 321 Bộ luật Hình sự nên hành vi trên của Võ Thị L, Lê Long T1, Huỳnh Thị T2, Võ Văn D, Trần Thị H, Đoàn Gia Đ phải bị xử lý vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc. Tuy nhiên, đến nay đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính đối với những người này nên không kiến nghị xem xét xử lý.

Đối với ông Nguyễn Ngọc A và bà Cao Thị T3là chủ quán nước giải khát N, vào thời điểm đánh bạc không có mặt tại quán và đã nhờ Đoàn Thị P trông coi, quản lý quán. Ông Nguyễn Ngọc A, bà Cao Thị T3 không biết việc Đoàn

Thị P cho Lê Văn L cùng những người khác đánh bạc tại quán của mình và không nhận các lợi ích từ những người tham gia đánh bạc nên không phạm tội.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: các bị cáo Lê Văn L, Đoàn Thị P, Võ Thị L, Tham Thị N phải nộp theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí của Tòa án. Riêng bị cáo Trần Thị Thu T là người cao tuổi được miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

[11] Tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo Lê Văn L, Đoàn Thị P, Võ Thị L1, Tham Thị N và Trần Thị Thu T là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Về hình phạt đối với các bị cáo Võ Thị L, Đoàn Thị P, Tham Thị N và Trần Thị Thu T mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, tuy nhiên về hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo Lê Văn L là chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Lê Văn L, Đoàn Thị P, Võ Thị L1, Tham Thị N và Trần Thị Thu T phạm "Tội đánh bạc".

1. Về trách nhiệm hình sự:

1.1. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 36, Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Văn L 02 (hai) năm cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án. Giao bị cáo Lê Văn L cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người bị kết án đang chấp hành hình phạt chuyển đi nơi khác thì cơ quan, tổ chức giám sát, giáo dục có trách nhiệm thông báo ngay cho Tòa án đã ra quyết định thi hành án kèm theo hồ sơ của người đó để Tòa án thực hiện các thủ tục cần thiết giao cho cơ quan, tổ chức nơi người đó chuyển đến tiếp tục giám sát, giáo dục.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Lê Văn L.

Về áp dụng hình phạt bổ sung: áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự, phạt tiền bị cáo Lê Văn L 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

1.2. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 36, Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Võ Thị L 02 (hai) năm cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án

hình sự Công an huyện nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án. Giao bị cáo Võ Thị Lượng cho Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh Bến Tre để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh Bến Tre trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người bị kết án đang chấp hành hình phạt chuyển đi nơi khác thì cơ quan, tổ chức giám sát, giáo dục có trách nhiệm thông báo ngay cho Tòa án đã ra quyết định thi hành án kèm theo hồ sơ của người đó để Tòa án thực hiện các thủ tục cần thiết giao cho cơ quan, tổ chức nơi người đó chuyển đến tiếp tục giám sát, giáo dục.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Võ Thị L.

Về áp dụng hình phạt bổ sung: áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự, phạt tiền bị cáo Võ Thị Lượng 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

1.3. Áp dụng điểm khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 35, Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Đoàn Thị P 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng).

1.4. Áp dụng điểm khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 35, Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Tham Thị N 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

1.5. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 35, Điều 54, Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Thị Thu T 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

Do đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Đoàn Thị P, Tham Thị N và Trần Thị Thu T.

2. Về áp dụng biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

2.1. Tịch thu tiêu hủy: 01 đĩa sứ có đường kính miệng đĩa 9,5cm, đường kính đáy 05cm, phần đáy có dòng chữ USA HOME SET; 01 nắp nhựa hình trụ màu đỏ, đường kính miệng 6,5cm, đường kính đáy 6,5cm, cao 05cm, 03 hột xí ngầu gồm sáu mặt theo thứ tự từ 01 nút đến 06 nút mỗi mặt.

2.2. Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 7.290.000 đồng. gồm: số tiền 4.400.000 đồng của Lê Văn L, số tiền 1.600.000 đồng của Tham Thị N, số tiền 400.000 đồng của Võ Thị L, số tiền 20.000 đồng của Trần Thị Thu T và số tiền 870.000 đồng của Đoàn Thị Phượng.

2.3. Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan dùng vào việc đánh bạc là 2.480.000 đồng, gồm: số tiền là 500.000 đồng của Đoàn Gia Đ, số tiền 1.080.000 đồng của Lê Long T1 và số tiền 900.000 đồng của Huỳnh Thị T2.

2.4. Trả lại cho ông Nguyễn Ngọc A và bà Cao Thị T3 số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

2.5. Trả lại cho bị cáo Đoàn Thị P số tiền 700.000 đồng (Bảy trăm ngàn đồng).

Các vật chứng hiện đang được tạm gửi tại Cơ quan Thi hành án dân sự huyện TH Phú, tỉnh Bến Tre theo Quyết định chuyển vật chứng số 02/QĐ-VKSTP-HS ngày 09 tháng 01 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre và Biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/01/2024 kèm theo Biên lai thu tiền số 0000065 ngày 25/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bến Tre.

3. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và các Điều 23, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc các bị cáo Lê Văn L, Võ Thị L, Đoàn Thị P và Tham Thị N mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Trần Thị Thu T thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn nộp án phí.

4. Về quyền và thời hạn kháng cáo:

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Đối với những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Tháp (1b);
- Phòng Hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng Hồ sơ Công an tỉnh Đồng Tháp (1b);
- VKSND huyện T, tỉnh Bến Tre (1b);
- Chi cục THADS huyện T, tỉnh Bến Tre (1b);
- Công an huyện T, tỉnh Bến Tre (1b);
- Bộ phận HS Công an huyện T, tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã G, huyện T, tỉnh Bến Tre (1b);
- Bị cáo (5b);
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (19b);
- Lưu: hồ sơ vụ án, VP (4b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hồ Văn Tú